

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14 /2023/HNGĐ-ST**
Ngày: 20 – 3 – 2023
V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Kiều Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Loan

Ông Trương Công Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2023, tại Hội trường B Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 86/2022/TLST-HNGĐ ngày 03/11/2022, về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/3/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Tuyết T** - sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số 236 Hồ Thị H, khu phố 5, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Hoàng H** - sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Tổ 10, ấp X, xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T, anh H đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/11/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Tuyết T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hoàng H chung sống như vợ chồng từ khoảng năm 2015, đến ngày 02/7/2021 anh chị mới thực hiện đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện T. Đây là lần thứ 2 chị kết hôn, hôn nhân lần đầu của chị đã được Tòa án nhân dân thị xã X, tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố L, tỉnh Đồng Nai) giải quyết ly hôn theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự

thỏa thuận của các đương sự số 78/2009/QĐST – HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2009.

Sau khi kết hôn, chị và anh H sống chung tại nhà của cha mẹ chồng tại địa chỉ tổ 10, ấp X, xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 9/2021. Nguyên nhân chủ yếu do thời gian này chị phát hiện anh H không chung thủy trong quan hệ vợ chồng, bỏ mặc, không quan tâm đến chị trong lúc chị mới sinh con được vài tháng. Sau khi phát hiện ra anh H ngoại tình, vợ chồng chị có ngồi lại nói chuyện với nhau nhưng thời gian tiếp theo anh H vẫn không khắc phục sửa đổi. Do mâu thuẫn trầm trọng chị đã đưa con về nhà cha mẹ ruột ở tại L để sinh sống. Kể từ cuối năm 2021 đến nay vợ chồng chị không quan tâm đến cuộc sống của nhau, thỉnh thoảng anh H có về thăm con chung nhưng không nhắc tới việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay nhận thấy tình cảm của chị đối với anh H không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Hoàng H.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 (một) con chung là cháu Nguyễn Phạm Gia B, sinh ngày 19/7/2021. Khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị làm buôn bán tại nhà, thu nhập bình quân khoảng 09 chín triệu đồng/tháng, ngoài ra còn có cha mẹ ruột của chị phụ giúp nuôi con nên đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng con phát triển tốt.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Hoàng H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hoàng H và chị Phạm Thị Tuyết T chung sống như vợ chồng từ khoảng năm 2015. Đến ngày 02/7/2021, anh chị mới đến UBND xã X, huyện T đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân lần thứ 2 của anh. Hôn nhân lần thứ nhất của anh đã được Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất cho ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 160/2015/QĐST – HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2015.

Sau khi kết hôn, vợ chồng anh sống chung với cha mẹ ruột của anh (địa chỉ tổ 10, ấp X, xã X, huyện T). Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 9/2021, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn to tiếng với nhau. Mặt khác, chị T không tin tưởng anh, hay ghen tuông vô cớ, nghi ngờ anh ngoại tình. Anh đã nhiều lần giải thích nhưng chị T không nghe dẫn tới vợ chồng thường cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Khoảng tháng 10/2021, do mâu thuẫn căng thẳng nên chị T đã tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột của chị ở thành phố L sinh sống. Từ đó, vợ chồng không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị T yêu cầu ly hôn, anh H đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng anh chung sống có 01 (một) con chung là cháu Nguyễn Phạm Gia B, sinh ngày 19/7/2021. Khi ly hôn anh đồng ý giao cháu B cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai:**

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Tuyết T được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng H; về con chung: Giao cháu Nguyễn Phạm Gia B, sinh ngày 19/7/2021 cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng; tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Buộc chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”. Bị đơn anh Nguyễn Hoàng H hiện đang cư trú tại tổ 10, ấp X, xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về việc xét xử vắng mặt các đương sự:*

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phạm Thị Tuyết T và anh Nguyễn Hoàng H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/7/2021. Căn cứ các Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quan hệ hôn nhân của chị T và anh H là hợp pháp.

Về yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Qua trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cho thấy sau khi

kết hôn một thời gian, cuộc sống chung của vợ chồng chị T, anh H đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do trong cuộc sống vợ chồng anh chị thiếu sự tin tưởng, yêu thương và tôn trọng lẫn nhau nên xảy ra cãi vã, bất hòa vì nghi ngờ tình cảm vợ chồng giành cho nhau. Do mâu thuẫn căng thẳng nên từ tháng 10/2021 cho đến nay chị T về nhà cha mẹ ruột sống. Thời gian vợ chồng sống ly thân đã không còn quan tâm cuộc sống của nhau do anh H và chị T đều thừa nhận không còn tình cảm yêu thương với nhau. Cho thấy, mâu thuẫn vợ chồng của chị T và anh H đã trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ, anh H thống nhất thuận tình ly hôn theo yêu cầu của chị T nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận là phù hợp với quy định tại các Điều 51, 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về nuôi con chung

Quá trình chung sống chị T và anh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Phạm Gia B, sinh ngày 19/7/2021. Ý kiến của chị T, anh H thống nhất thỏa thuận về việc chị T sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu B.

Xét thấy cháu B hiện còn nhỏ, thời gian qua vẫn được chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu phát triển tốt, thỏa thuận về việc nuôi dưỡng con chung của anh chị sau khi ly hôn là phù hợp với điều kiện thực tế và quy định của pháp luật nên ghi nhận.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con

Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời anh H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng

Chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm

Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp với tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 51, 53, 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Tuyết T về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Tuyết T và anh Nguyễn Hoàng H.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Phạm Gia B, sinh ngày 19/7/2021 cho chị Phạm Thị Tuyết T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời anh Nguyễn Hoàng H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Phạm Thị Tuyết T không yêu cầu.

Anh Nguyễn Hoàng H được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Tuyết T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009026 ngày 02/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Tuyết T và anh Nguyễn Hoàng H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- Chi cục THADS huyện Thống Nhất;
- UBND xã Xuân Thiện, H. Thống Nhất, T. Đồng Nai (số ĐKKH 34 ngày 02/7/2021);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Kiều Vân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

